

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Ngày 30/09/2025	9,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.2%	-7.1%	-9.0%

DT thuần Q3/25
235
tỷ VNĐ
QoQ: ▼49.0 -17.1%
YoY: ▲ 5.00 2.3%

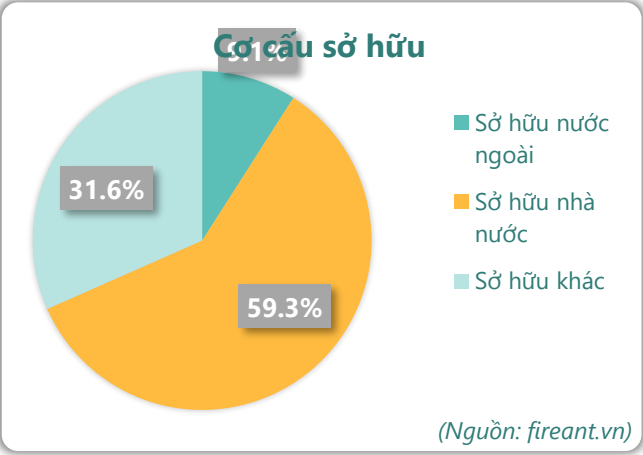
LN thuần Q3/25
5.79
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.31 -55.8%
YoY: ▲ 11.3 204%

LN sau thuế Q3/25
5.25
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.85 -48.0%
YoY: ▲ 10.8 195%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
3.3%
YoY: +/-▼ 1.8%

ROE (TTM) Q3/25
-7.6%
YoY: +/-▲ 7.9%

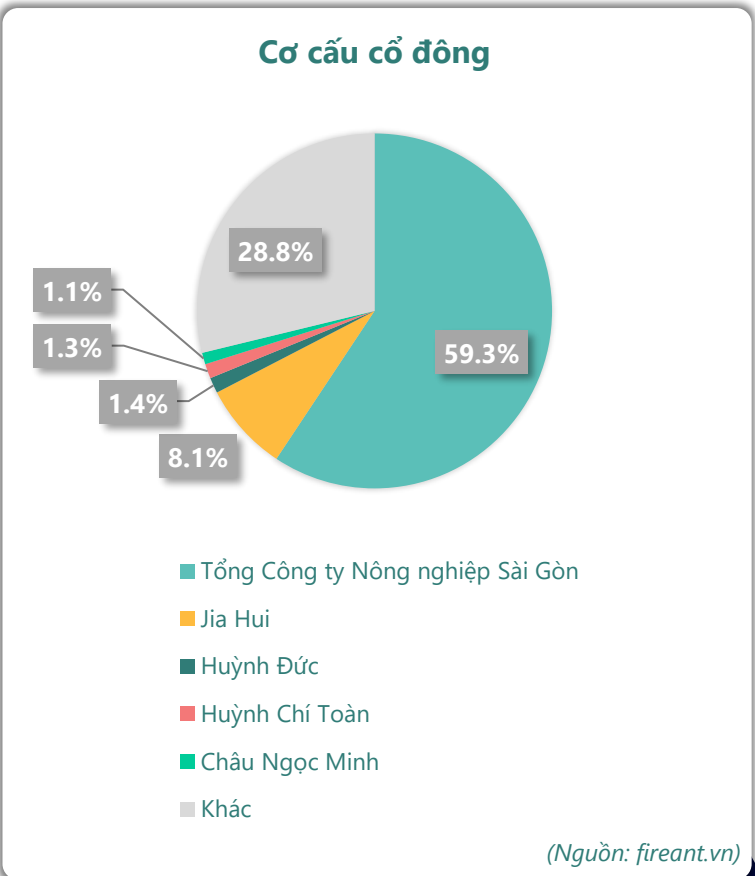
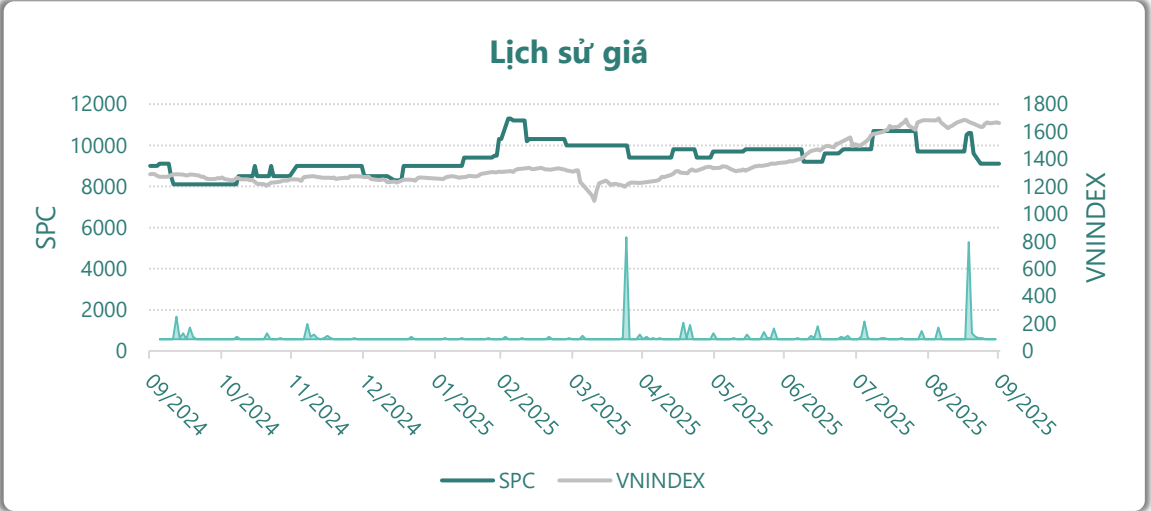
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,100 - 11,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	96
Số lượng CPLH (CP)	10,530,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	185
Sở hữu nước ngoài	9.1%
Beta	(0.05)
EPS	-1,018
P/E	-8.9



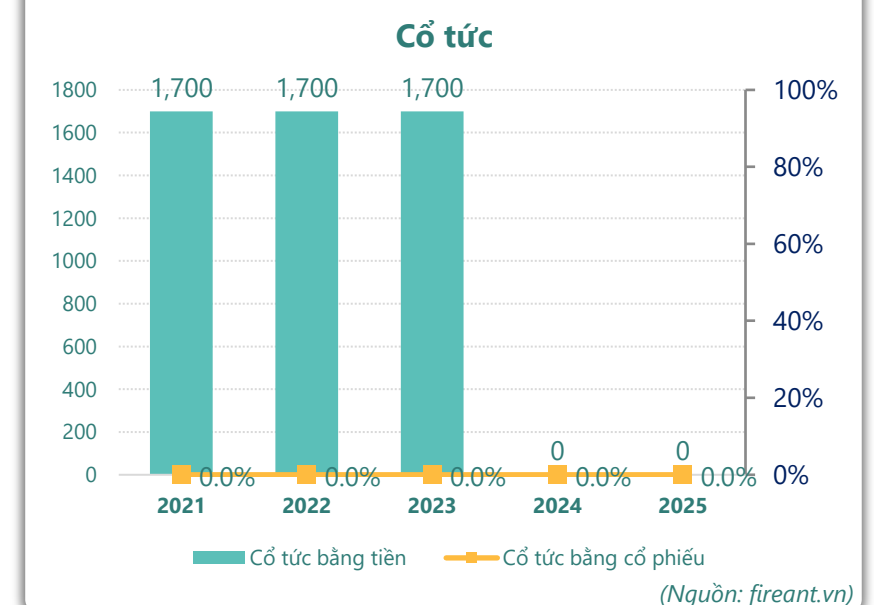
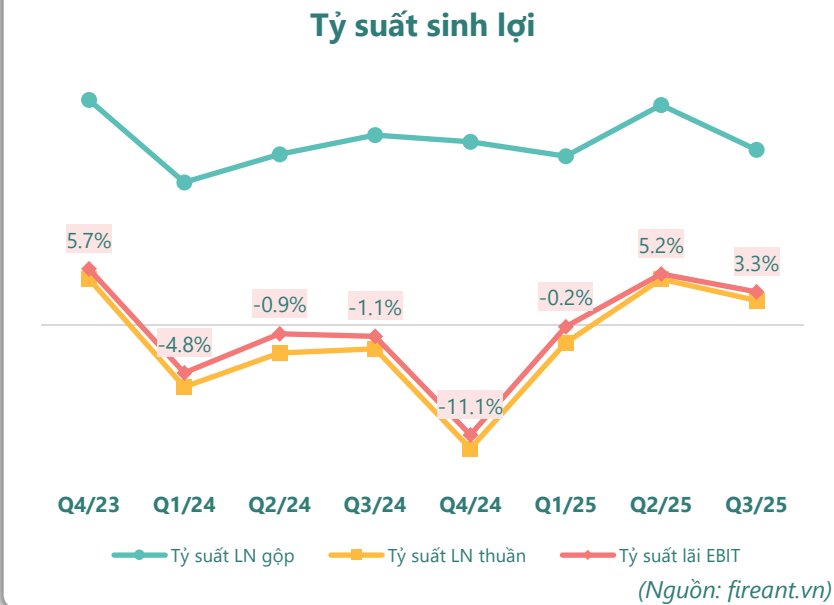
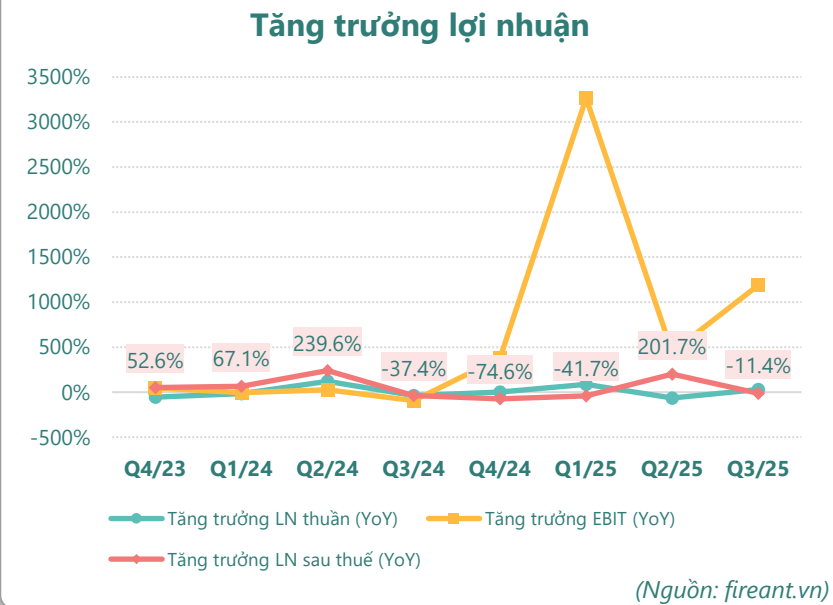
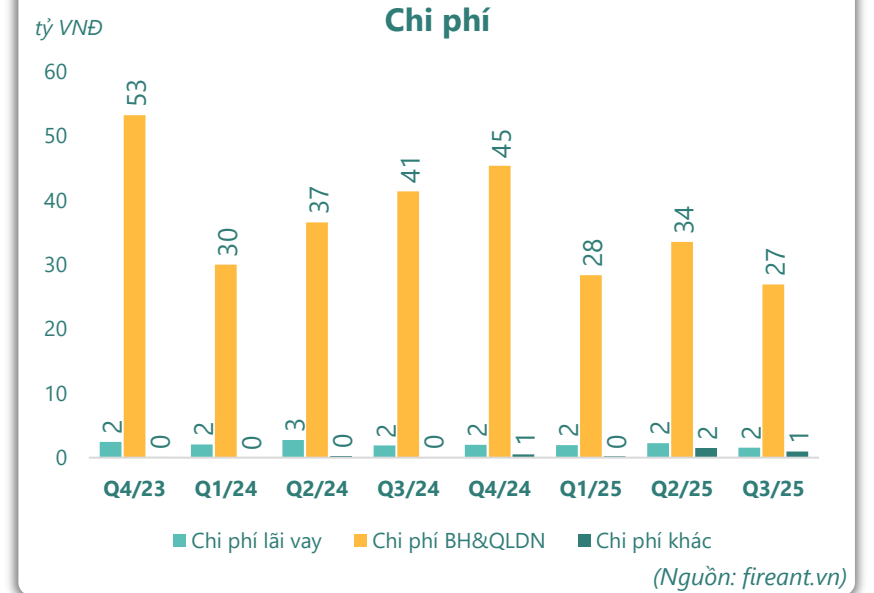
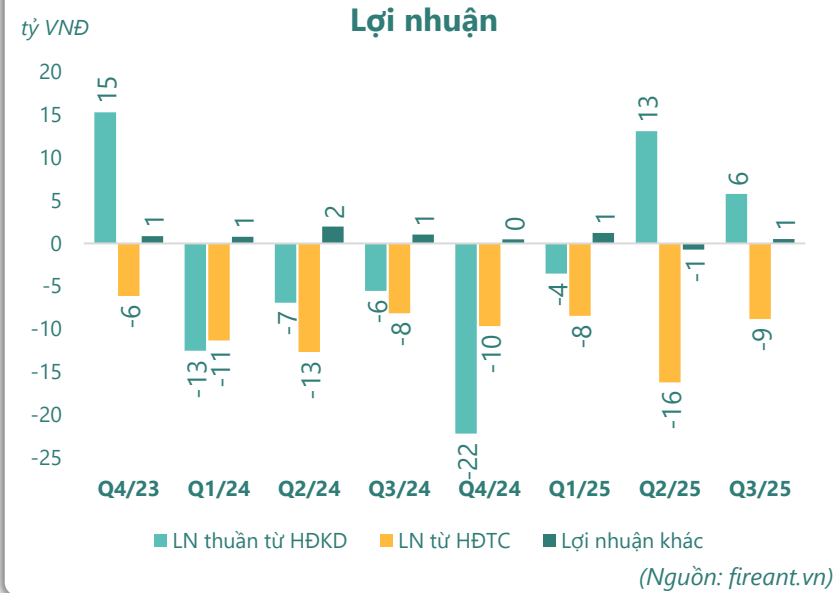
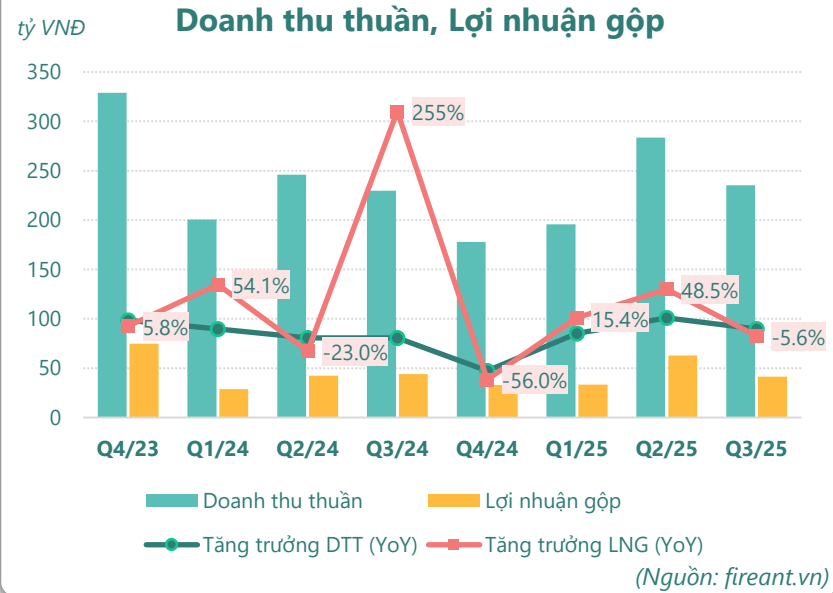
DT thuần 9T 2025
715
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 39.0 5.7%

LN thuần 9T 2025
15.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 40.4 162%

LN sau thuế 9T 2025
12.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.9 151%



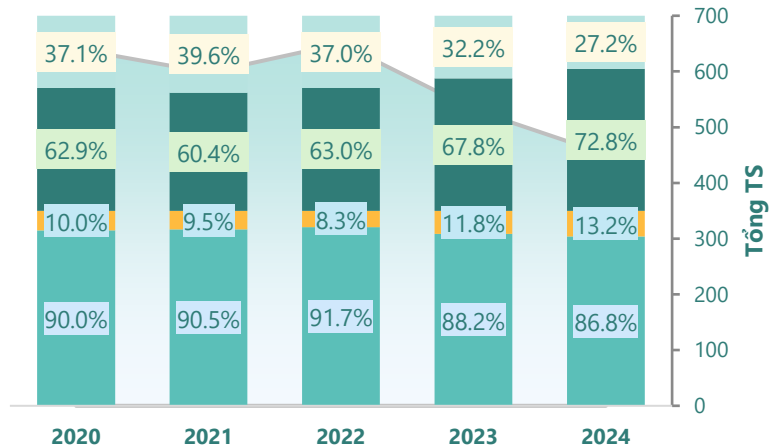
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

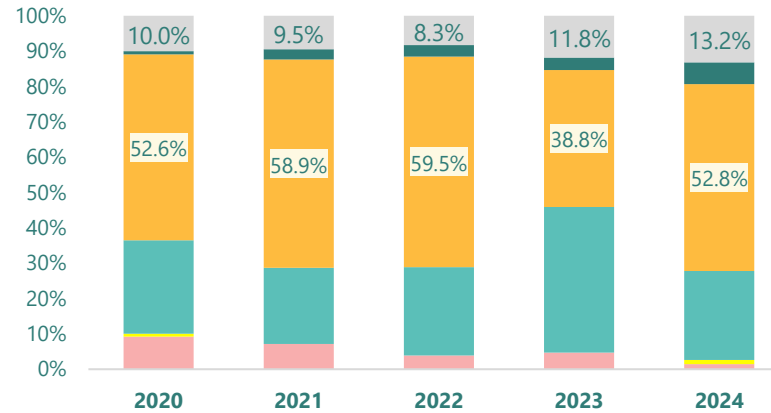
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

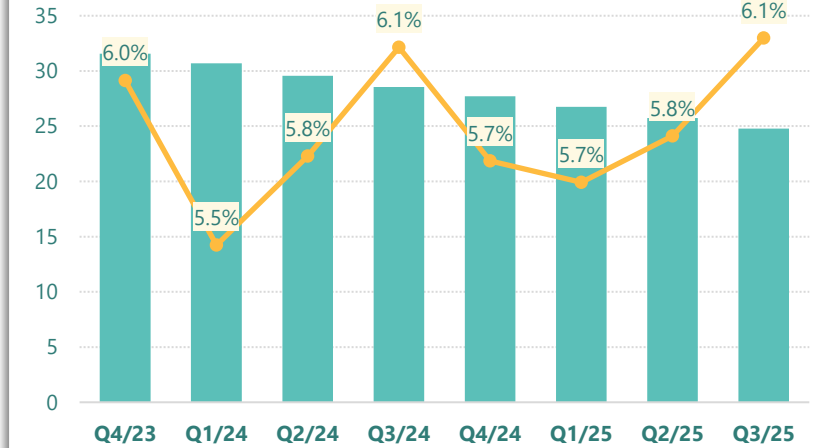


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

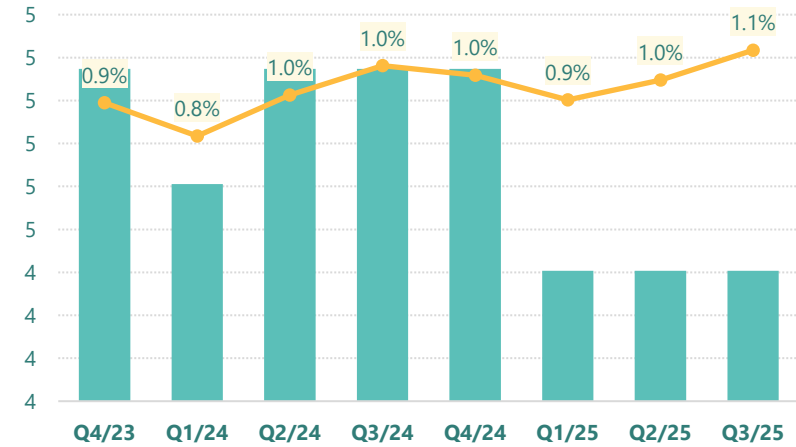


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

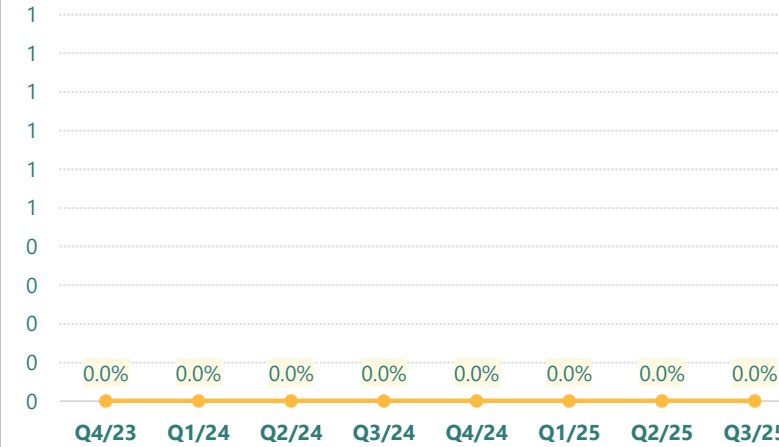


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

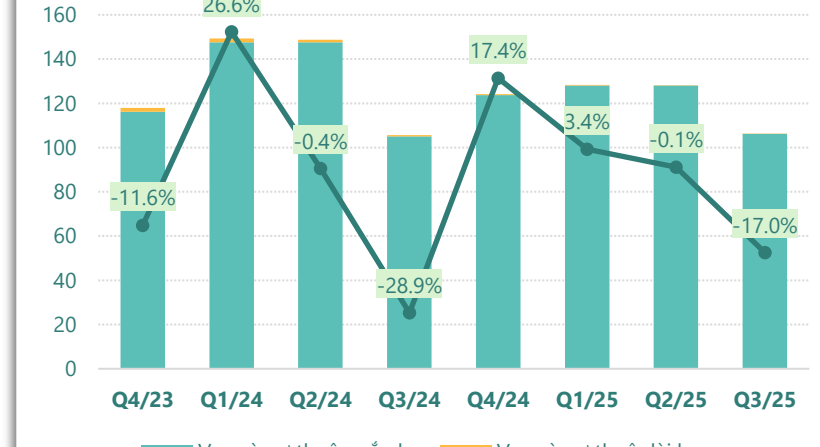


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

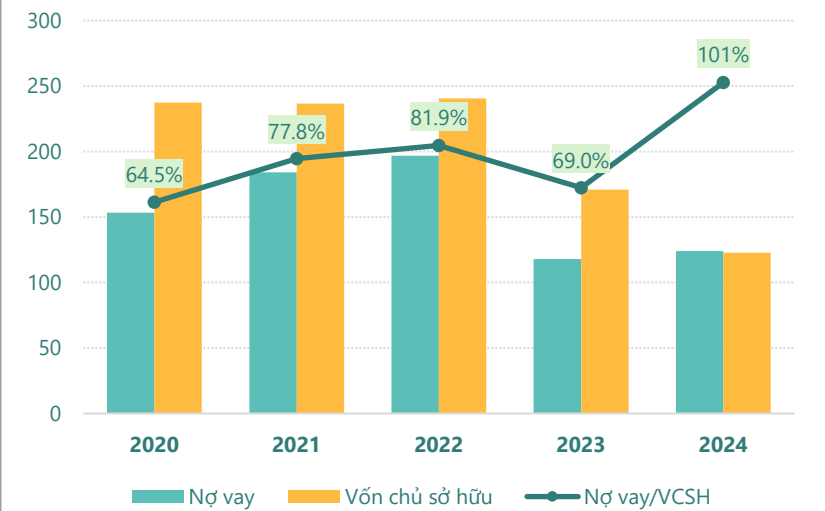
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

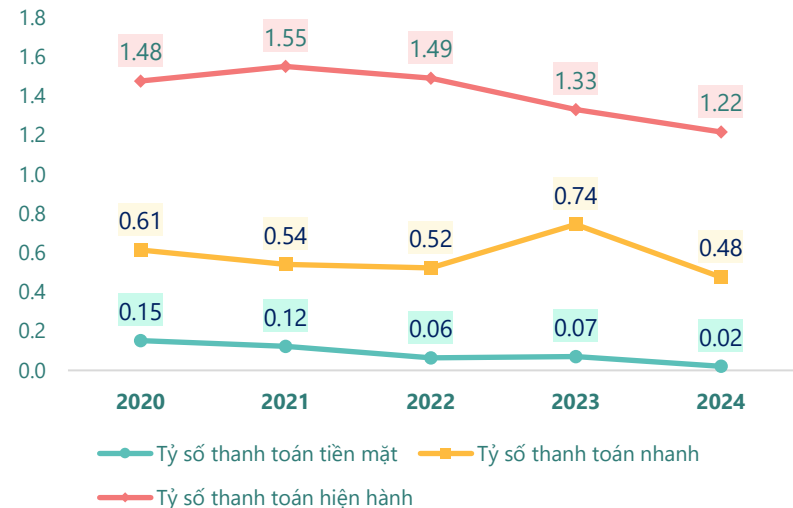
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



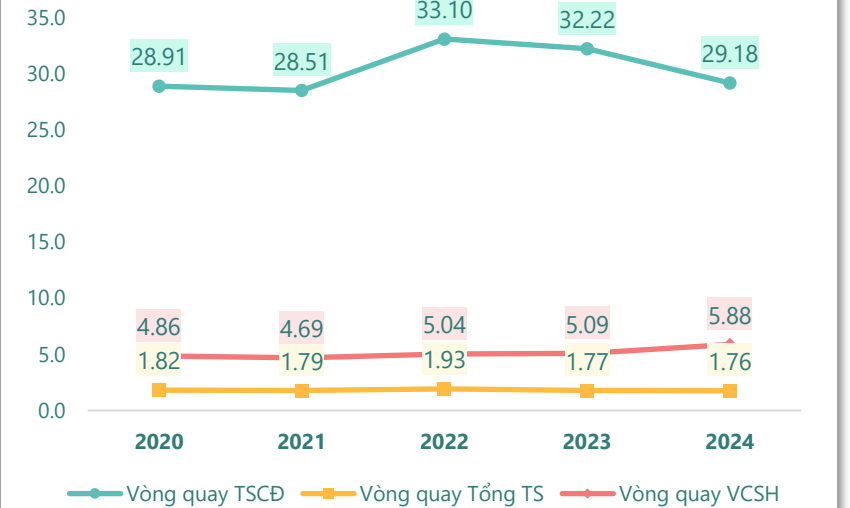
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



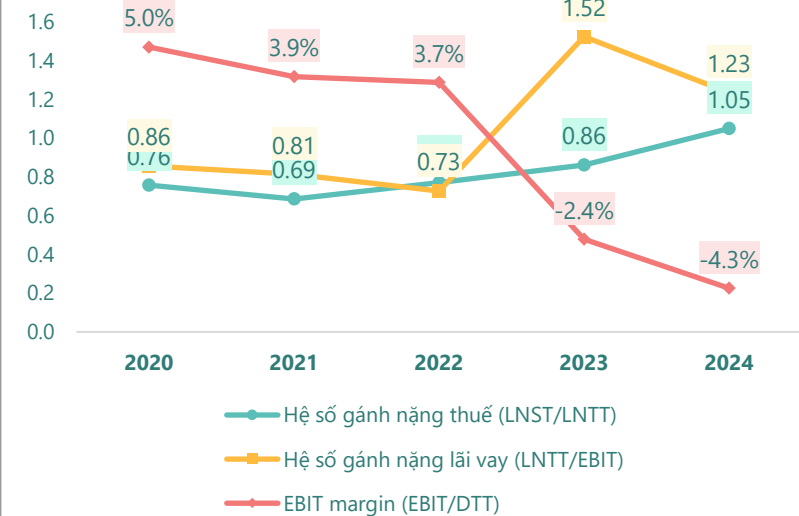
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



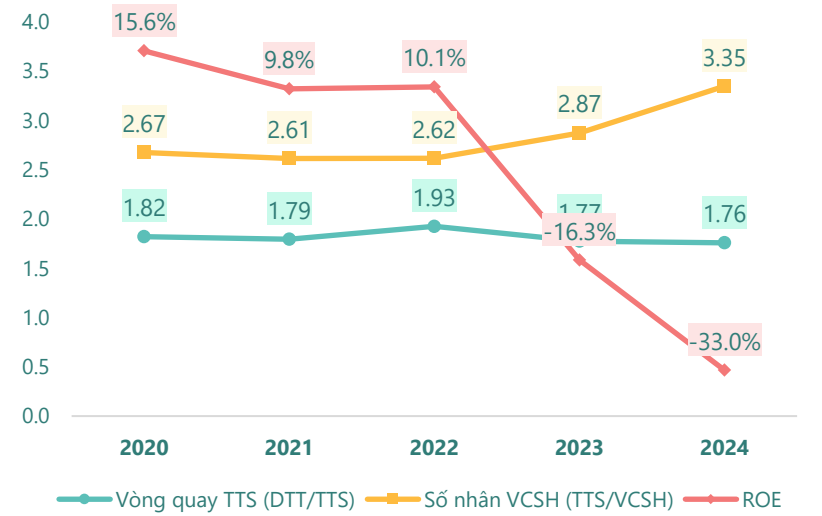
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



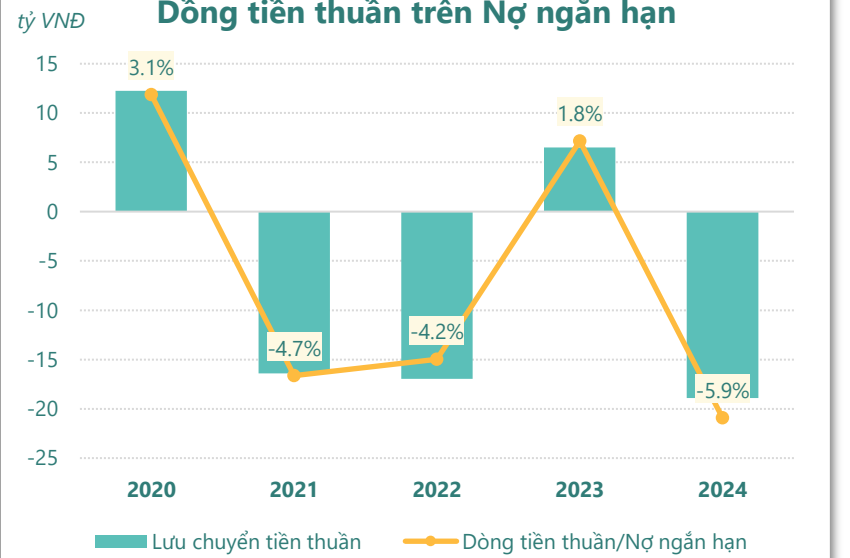
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Đồng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	235	230	2.3%	715	676	5.7%
Giá vốn hàng bán	194	186	4.2%	577	561	2.8%
Lợi nhuận gộp	41.6	44.1	-5.7%	138	115	19.5%
Doanh thu HĐTC	3.66	4.96	-26.3%	9.10	10.5	-12.9%
Chi phí TC	12.5	13.1	-4.8%	42.6	42.6	0.0%
Chi phí lãi vay	1.57	1.88	-16.3%	5.78	6.71	-13.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	17.2	33.4	-48.6%	62.2	86.9	-28.4%
Chi phí QLDN	9.81	8.00	22.6%	26.7	21.2	25.8%
LN thuần từ HĐKD	5.79	-5.55	204%	15.4	-25.0	162%
Lợi nhuận khác	0.51	1.05	-51.3%	1.03	3.79	-72.7%
LN trước thuế	6.30	-4.50	240%	16.4	-21.2	177%
Lợi nhuận sau thuế	5.25	-5.54	195%	12.4	-24.5	151%
LNST của CĐ cty mẹ	5.12	-5.70	190%	12.7	-24.8	151%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.4	31.5	7.64	5.17	9.43	15.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.54	-0.40	0.02	0.72	0.80	-0.38
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.56	-40.4	-18.4	4.22	-0.41	-22.2
Tiền đầu kỳ	16.8	29.1	19.6	6.67	16.9	27.2
Lưu chuyển tiền thuần	12.4	-9.25	-10.7	10.1	9.83	-7.07
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	-0.30	3.12	0.13	0.41	-0.21
Tiền cuối kỳ	29.1	19.6	12.0	16.9	27.2	19.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	404	451	-10.5%
Tài sản ngắn hạn	349	392	-10.9%
Tiền và tương đương tiền	19.9	6.67	198%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.25	5.25	0.0%
Phải thu ngắn hạn	94.6	114	-16.7%
Hàng tồn kho	213	239	-10.9%
Tài sản ngắn hạn khác	16.9	27.6	-38.8%
Tài sản dài hạn	54.9	59.7	-8.0%
Phải thu dài hạn	0.28	0.62	-54.4%
Tài sản cố định	24.8	27.7	-10.4%
Bất động sản đầu tư	0.08	0.17	-52.6%
Tài sản dở dang	4.40	4.87	-9.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	25.4	26.4	-3.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	266	329	-19.0%
Nợ ngắn hạn	260	322	-19.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	106	124	-14.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	119	165	-28.0%
Nợ dài hạn	6.45	6.68	-3.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.15	0.35	-55.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	138	123	12.4%
Vốn chủ sở hữu	138	123	12.4%
Vốn điều lệ	105	105	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

